

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 39/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 05 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị O**. Sinh năm: 1997.

Bị đơn: Anh **Lang Văn C**. Sinh năm: 1993.

Cùng địa chỉ: **Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**.

- Căn cứ vào Điều 144; 147; 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 6; 9; 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2024;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị **Bùi Thị O** và bị đơn anh **Lang Văn C**.
- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - *Về hôn nhân:* Chị **Bùi Thị O** và anh **Lang Văn C** có ý kiến chung thống nhất anh, chị đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 15/01/2016, tại **UBND xã T, huyện N, tỉnh**

Thanh Hóa. Anh, chị kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2022 đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Hai vợ chồng đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị **O** và anh **C** thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị **Bùi Thị O** và anh **Lang Văn C** thống nhất vợ chồng có 01 con chung: cháu tên là **Lang Huyền A**, giới tính: Nữ, sinh ngày 28/4/2016. Cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Hiện nay cháu đang sống cùng anh chị tại **thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Cháu **Huyền A** có nguyện vọng xin được ở với bố là anh **Lang Văn C**. Giao cháu **Huyền A** cho anh **C** trực tiếp nuôi dưỡng. Chị **O** không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị **O** có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản chị thực hiện quyền này, chị **O** có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định.

- *Về tài sản và nghĩa vụ chung:* Chị **Bùi Thị O** và anh **Lang Văn C** thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị **Bùi Thị O** và anh **Lang Văn C** thống nhất thỏa thuận chị **O** chịu toàn bộ tiền án phí DS – HNGĐ sơ thẩm là 150.000 đồng. Chị **O** đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí. Vì vậy, chị **O** được nhận lại 150.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền số: 0005751 ngày 02 tháng 05 năm 2024. Anh **C** không phải chịu án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Như Xuân;
- THADS huyện Như Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Ngô Công Tuấn